

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 6 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Oanh;

Ông Phạm Xuân Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 538/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Chí T, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4, phường CPH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trương Thị Phương L, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 2, ấp BC, xã PH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa ông Phan Chí T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trương Thị Phương L sống chung vợ chồng từ năm 2012, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CPH, huyện Bến Cát (nay là phường CPH, thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương ngày 27/9/2013. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại phường CPH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Trong thời

gian chung sống lúc đầu thì có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2013 thì không hạnh phúc nữa. Ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau thường xuyên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Ông bà đã ly thân từ năm 2014, bà L về nhà cha mẹ sống tại ấp BC, xã PH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Phan Chí S, sinh ngày 11/7/2012. Ông T xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trương Thị Phương L đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng vắng mặt, không đưa ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông T và bà L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến nhiều lần cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân từ năm 2014 đến nay, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn không đưa ra ý kiến với yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Phan Chí S, sinh ngày 11/7/2012. Xét điều kiện về nuôi con, sự phát triển ổn định về tâm lý của trẻ, từ khi vợ chồng ly thân thì Ông T là người trực tiếp nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phan Chí S cho nguyên đơn nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn bà Trương Thị Phương L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại xã PH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2012, việc chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CPH, huyện Bến Cát (nay là phường CPH, thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương ngày 27/9/2013, quan hệ hôn nhân giữa Ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống nguyên đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đã ly thân từ năm 2014 không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn không có ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh tại Công an xã PH, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, cuối năm 2014 đến nay bị đơn có về địa phương sinh sống. Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường CPH, thị xã Bến Cát thể hiện Ông T, bà L đã ly thân từ cuối năm 2014 đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 01 con chung tên là Phan Chí S, sinh ngày 11/7/2012. Hội đồng xét xử xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, điều kiện đảm bảo cho trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và trí tuệ nên giao con chung Phan Chí S cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, các Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Chí T đối với bị đơn bà Trương Thị Phương L.

1. Về hôn nhân: Ông Phan Chí T được ly hôn với bà Trương Thị Phương L.

2. Về con chung: Giao con Phan Chí S, sinh ngày 11/7/2012 cho ông Phan Chí T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trương Thị Phương L có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phan Chí T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0025915, ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND phường CPH,
thị xã Bến Cát (số 114 quyền số 1/2013);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Mùi**

Trần Thị Kim Oanh

Phạm Xuân Hào

Nguyễn Thị Mùi